

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG TRÔM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2022/DS-ST

Ngày: 08/7/2022

V/v tranh chấp hợp đồng mua bán

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Nguyễn Yến Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Đức Tâm

2. Ông Nguyễn Thanh Khoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Yến

Ngày 08/7/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 122/2022/TLST-DS, ngày 05/5/2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 132/2022/QĐXXST-DS ngày 06/6/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 87/2022/QĐST-DS ngày 21/6/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị T, sinh năm 1976

Địa chỉ: Số 73, ấp Q B (ấp 6), xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre

- Bị đơn: Chị Trần Thị T1, sinh năm 1976

Địa chỉ: Ấp 2B, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre

(Chị T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt; chị T1 vắng mặt tại phiên tòa không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nguyên đơn chị Trần Thị T trình bày:

Trước đây chị T và chị Trần Thị T1 đã thực hiện việc mua bán thức ăn với nhau. Đến ngày 21/02/2017 đã chốt nợ, số tiền mà chị T1 còn nợ chị T là 76.769.000 đồng. Hiện tại, chị T1 đã bán hết heo nhưng không chịu trả tiền thức ăn cho chị T. Chị T đã nhiều lần gặp chị T1 để lấy tiền nhưng chị T1 hứa hẹn nhiều lần mà đến nay vẫn không trả. Nay chị T yêu cầu chị T1 trả cho chị T tiền thức ăn còn nợ là 76.769.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ bị đơn chị Trần Thị T1 đến để tiến hành hòa giải nhưng chị T1 vẫn vắng mặt không

có lý do và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa hôm nay,

Nguyên đơn chị Trần Thị T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như ban đầu.

Bị đơn chị Trần Thị T1 đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào lời trình bày của đương sự, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Chị Trần Thị T khởi kiện yêu cầu chị Trần Thị T1 trả cho chị T số tiền mua thức ăn còn nợ là 76.769.000 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là “*Tranh chấp hợp đồng mua bán*”. Đây là tranh chấp giữa cá nhân với cá nhân không có đăng ký kinh doanh nên được xác định là vụ án dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

- Bị đơn chị Trần Thị T1 hiện đang cư trú tại ấp 2B, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre. Do đó, căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện G thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

- Chị Trần Thị T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Vì vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị T.

- Bị đơn chị Trần Thị T1 đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị T1.

[2] Về nội dung:

Chị Trần Thị T khởi kiện yêu cầu chị Trần Thị T1 trả cho chị T số tiền mua thức ăn còn nợ là 76.769.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp cho Tòa án là “Sổ theo dõi mua bán thức ăn” giữa chị T và chị T1. Về phía bị đơn, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, thông báo cho chị Trần Thị T1 biết về việc chị Trần Thị T khởi kiện tranh chấp hợp đồng mua bán với chị T1. Tuy nhiên, chị T1 không đến Tòa án làm việc và cũng không có gửi bất kỳ văn bản nào trình bày ý kiến của mình cũng như không phản đối những tình tiết, sự kiện mà chị T đưa ra. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định đây là tình tiết không phải chứng minh.

Căn cứ vào “Sổ theo dõi mua bán thức ăn” giữa chị T và chị T1, tại trang cuối thể hiện: vào ngày 21/02/2017 chị T1 có viết nội dung “T1 còn thiếu T là: 76.769.000 bảy sáu triệu bảy trăm sáu mươi chín nghìn đồng” và chị T1 có ký tên xác nhận vào sổ. Như vậy, có cơ sở xác định giữa chị Trần Thị T và chị Trần Thị T1 có xác lập và thực hiện hợp đồng mua bán thức ăn và hiện chị T1 còn thiếu chị T số tiền 76.769.000 đồng. Hợp đồng mua bán giữa các bên được giao kết trên cơ sở tự nguyện, không ai bị lừa dối hoặc bị ép buộc, các bên đều có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên đây được xem là hợp đồng hợp pháp có hiệu lực pháp luật ràng buộc quyền và nghĩa vụ của các bên. Xét thấy việc chị T1 chậm thanh toán tiền thức ăn đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của chị T nên việc chị T khởi kiện yêu cầu chị T1 trả số tiền thức ăn chăn nuôi còn nợ 76.769.000 đồng là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Xét việc chị T không yêu cầu tính lãi đối với số tiền 76.769.000 đồng là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] Về án phí:

Do yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị T được chấp nhận nên chị Trần Thị T1 phải chịu án phí theo quy định pháp luật là: 76.769.000 đồng x 5% = 3.838.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 357, 430, 440, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị T đối với bị đơn chị Trần Thị T1 về việc tranh chấp hợp đồng mua bán, cụ thể:

Buộc chị Trần Thị T1 có trách nhiệm trả cho chị Trần Thị T số tiền 76.769.000 (bảy mươi sáu triệu, bảy trăm sáu mươi chín nghìn) đồng, ghi nhận việc chị T không yêu cầu tính lãi đối với số tiền này.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Chị Trần Thị T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.838.000 (ba triệu tám trăm ba mươi tám nghìn) đồng.

Chi cục thi hành án dân sự huyện G hoàn lại cho chị Trần Thị T số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 1.919.000 (một triệu chín trăm mười chín nghìn) đồng theo biên lai thu số 0007256 ngày 05/5/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện G.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đào Nguyễn Yến Phương